

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 19/9/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Cảnh;

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Hoàng D – Luật sư thuộc Công ty L – Chi nhánh P1, Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:

Bà N và ông Hoàng Văn T chung sống vợ chồng từ năm 2022, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Cả hai đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Hiện tại đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Hoàng Gia P, sinh ngày 04/4/2022. Con chung đang sống chung với bà N, bà N yêu cầu được quyền

nuôi con chung. Trước đây bà N có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi nhưng ông T không đồng ý nên nay bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà N có chỗ ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N về thời gian kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với yêu cầu là ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Hoàng Gia P, sinh ngày 04/4/2022. Ông T yêu cầu được quyền nuôi con chung. Hiện tại ông T đã có chỗ ở (đã cung cấp hợp đồng thuê nhà ở cho Tòa án), có việc làm với thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 19.000.000 đồng (đã cung cấp bảng lương cho Tòa án), ông T có đủ điều kiện để được nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bị đơn được trực tiếp nuôi dưỡng vì bị đơn có điều kiện tốt hơn nguyên đơn trong việc chăm sóc, giáo dục con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

+ Về con chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng và điều kiện để nuôi con nhưng công việc của bị đơn liên quan đến tăng ca vào ban đêm, cha mẹ của bị đơn ở xa, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Thu N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Hoàng Văn T, bị đơn ông T đang sinh sống tại địa chỉ xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu N và ông Hoàng Văn T chung sống vợ chồng từ năm 2022, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà N và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên xin được ly hôn với bị đơn, tại phiên toà nguyên đơn trình bày bổ sung nguyên nhân mâu thuẫn là nghi ngờ lòng chung thủy, không còn tin tưởng nhau. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn kèm điều kiện được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyên đơn và bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Hoàng Gia P, sinh ngày 04/4/2022. Con chung đang sống chung với bà N, bà N yêu cầu được quyền nuôi con chung. Trước đây bà N có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi nhưng ông T không đồng ý nên nay bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà N có chỗ ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Ông T yêu cầu được quyền nuôi con chung. Hiện tại ông T đã có chỗ ở (đã cung cấp hợp đồng thuê nhà ở cho Tòa án), có việc làm với thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 19.000.000 đồng (đã cung cấp bảng lương cho Tòa án), ông T có đủ điều kiện để được nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc có chỗ ở, có việc làm và thu nhập đủ khả năng để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Hoàng Gia P, sinh ngày 04/4/2022 đã trên 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền, lợi ích tốt nhất của cháu P để quyết định người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

[3.1] Về công việc, thu nhập: Nguyên đơn trình bày công việc của nguyên đơn là bán nước uống, dụng cụ học tập tại Trường Tiểu học A với thu nhập từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng. Bị đơn cung cấp bảng lương làm việc tại Công ty Cổ phần C – Cơ sở P2 với thu nhập khoảng 19.000.000đ/tháng.

[3.2] Về chỗ ở: Nguyên đơn và cháu Phát hiện đang sống tại hộ ông Lê Thanh T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 là cha ruột của nguyên đơn và là ông ngoại của cháu P. Ông T1 có văn bản trình bày ý kiến và xác nhận với nội dung đồng ý cho nguyên đơn và cháu Phát sinh sống ổn định tại nhà ông T1 để cháu P có điều kiện học tập, trưởng thành. Bị đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng thuê nhà tọa lạc tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều có công việc, có thu nhập. Tuy nhiên, về tính chất công việc, bị đơn làm tăng ca vào ban đêm, họ hàng ở xa. Nguyên đơn có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P hơn bị đơn. Về chỗ ở và điều kiện sống, nguyên đơn và cháu Phát hiện đang sống tại hộ ông Lê Thanh T1 (ông T1 là cha ruột của nguyên đơn và là ông ngoại của cháu P), ông T1 có văn bản trình bày ý kiến và xác nhận với nội dung đồng ý cho nguyên đơn và cháu Phát sinh S ổn định tại nhà ông T1. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N đối với bị đơn ông Hoàng Văn T2 việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Hoàng Gia P, sinh ngày 04/4/2022 cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

2.3. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008622 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- THADS Thành phố H;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 19 - Thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND xã P, Thành phố H
(Số 51/2022 ngày 13/4/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Ân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Cảnh

Nguyễn Thị Nga

Lê Thanh Ân

